

Số:06/2025/QĐCNTTLH

B, ngày 04 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HOÀ GIẢI TẠI TOÀ ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;  
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1

*Sau khi nghiên cứu:*

- Đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 13/01/2025  
- Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 17 tháng 01 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải sau đây:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988

Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 135, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số nhà 135, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải do Hoà giải viên chuyển sang Toà án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 17 tháng 01 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 17 tháng 01 năm 2025, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh N, sinh ngày 22/12/2019. Anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng) kể từ tháng 02/2025 đến khi

con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Đề nghị giải quyết theo quy định.

**2.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKS thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND p. Đ;
- Lưu TA.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Đặng Văn Hưng**